

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 250/2020/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 6 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định mức đóng góp và chính sách hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2017 quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng; Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 24/TTr-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2020 về việc ban hành Nghị quyết quy định mức đóng góp và chính sách hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh tại Báo cáo số 86/BC-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2020 thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc quy định mức đóng góp và chính sách hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức đóng góp, chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người nghiện ma túy có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Thanh Hóa tự nguyện cai nghiện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh.

2. Các cơ quan, các tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Mức đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh

1. Tiền ăn hàng tháng bằng 30% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân bằng 30% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc/người/lần.

3. Tiền hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác: 70.000 đồng/người/lần.

4. Tiền bổ sung trang, thiết bị, công cụ, dụng cụ: 300.000 đồng/người/lần.

5. Tiền điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/người/tháng.

6. Tiền phục vụ, quản lý: 100.000 đồng/người/tháng.

7. 100% chi phí khám sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ (bao gồm cả xét nghiệm HIV/AIDS) tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập không ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế: Theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do cấp thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập thực hiện dịch vụ.

8. 100% chi phí điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập không ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế: Theo chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh

1. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập được bố trí chỗ ở và được ngân sách nhà nước hỗ trợ:

a) Tiền ăn hàng tháng bằng 70% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

b) Tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân bằng 70% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc/người/lần.

2. Ngoài mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này, người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh thuộc các đối tượng: Người thuộc diện chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người chưa thành niên, người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng, người thuộc diện Bảo trợ xã hội, người bị nhiễm HIV/AIDS không còn khả năng lao động, người bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên, người thuộc hộ cận nghèo, người có hộ khẩu thường trú tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% các khoản đóng góp quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.

3. Thời gian hỗ trợ cho người cai nghiện ma túy tự nguyện không quá 12 tháng/lần; thời gian thực hiện cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy ít nhất phải đủ 06 tháng; không giới hạn số lần hỗ trợ.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện các khoản hỗ trợ cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập quy định tại Nghị quyết này được lấy từ nguồn đảm bảo xã hội trong dự toán ngân sách nhà nước tỉnh hằng năm.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành tổ chức triển khai thực hiện.

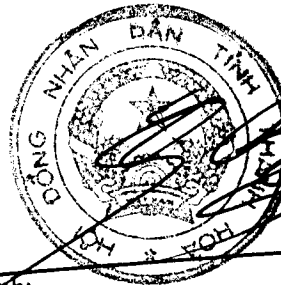
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVII, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 6 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH; HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Các Sở: Lao động, Thương binh và Xã hội; Tài chính; Y tế; Công an tỉnh;
- Thường trực HĐND; UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trịnh Văn Chiến